

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 624/2024/DS-PT

Ngày 23/12/2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng  
vận chuyển hàng hóa*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn;

Các thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Nguyễn Nam Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu Hoài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 482/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13756/2024/QĐ-PT, ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Phạm Trí H sinh năm 1970; địa chỉ: thôn H<sub>1</sub>, xã T, huyện L, tỉnh B. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn P – Công ty luật TNHH H<sub>2</sub> thuộc Đoàn luật sư thành phố H<sub>3</sub>. Có mặt.

\* **Bị đơn:** Ông Khâu Súng K (người T<sub>1</sub>) sinh năm 1977; địa chỉ: thôn T<sub>2</sub>, xã T<sub>3</sub>, huyện L, tỉnh B. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nông Thị L<sub>1</sub> sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T<sub>2</sub>, xã T<sub>3</sub>, huyện L, tỉnh B. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L<sub>1</sub>:* Luật sư Trần Văn V,

Ngô Thị L<sub>2</sub> và Đồng Văn V<sub>1</sub> – Văn phòng luật sư T<sub>4</sub> thuộc Đoàn luật sư thành phố H<sub>3</sub>. Có mặt.

- Bà Phạm Thị N sinh năm 1983; địa chỉ: tổ dân phố M, thị trấn C, huyện L, tỉnh B. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Phạm Trí H trình bày:

Ông có mối quan hệ làm ăn buôn bán với vợ chồng ông QIU CHONG J (Khâu Súng K) và bà Nông Thị L<sub>1</sub>. Ông Khâu Súng K là người T<sub>1</sub> lấy vợ người V<sub>2</sub> là bà Nông Thị L<sub>1</sub>, hiện vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub> sinh sống tại thôn T<sub>2</sub>, xã T<sub>3</sub>, huyện L, tỉnh B. Vợ chồng ông K làm nghề buôn bán hoa quả từ V<sub>2</sub> sang T<sub>1</sub>. Cuối tháng 3 năm 2022, ông K nhận hợp đồng với ông vận chuyển 01 xe công ten nơ quả mít tươi từ tỉnh T<sub>5</sub> đến cảng K<sub>1</sub>, tỉnh Q, T<sub>1</sub>. Do ông K vi phạm hợp đồng, hàng đến chậm, muộn theo thỏa thuận nên dẫn đến hoa quả bị kém chất lượng. Do đó, ông K đã thỏa thuận với tôi mua lại toàn bộ xe hàng và có trách nhiệm thanh toán cho ông tổng số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn), trong đó bao gồm: 316.000.000 đồng (Ba trăm mười sáu triệu đồng) toàn bộ giá trị hàng hóa, 74.000.000 đồng (Bảy mươi tư triệu đồng) chi phí cước xe và 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) vỏ tàu biển.

Ngày 9/4/2022, bà Phạm Thị N - sinh năm 1983 - Cư trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện L, tỉnh B đã thỏa thuận miệng với ông về việc ông chịu trách nhiệm làm thủ tục nộp thuế cô ta thông quan hàng hóa (quả mít tươi) của bà N tại cửa khẩu Đ, L<sub>3</sub> để đi đường sắt sang P<sub>1</sub>, T<sub>1</sub>. Tổng số tiền xe mít của bà N là 371.871.000 (Ba trăm bảy mươi một triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng), trong đó tiền hàng là 291.871.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng) và tiền cước xe là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Ba ngày sau bà N nhờ người khác làm thủ tục nộp thuế và thông quan đưa xe đi qua cửa khẩu H<sub>4</sub> sang T<sub>1</sub> bán rồi quay lại nói với ông rằng hàng không đi được phải quay về nội địa bán rẻ, thu được 130 triệu đồng. Sau đó, bà N đã quay lại phạt tôi vì không thông quan được xe hàng của bà và buộc tôi phải có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền 241.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu đồng).

Ngày 17/4/2022, tại nhà của ông K, lúc đó có mặt vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub> cùng với bà N và ông, bà L<sub>1</sub> đã viết giấy với nội dung vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub> còn nợ lại ông số tiền 359.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu đồng). Tại buổi làm việc hôm đó, vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub> đã giao cho ông số tiền 359.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu đồng), ông xác nhận chữ viết “A H đã nhận 359.000.000 đồng” cùng chữ ký ở cuối là của ông.

Khi ký giấy ông không đọc kỹ nội dung, vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub> và bà N đã ép ông ký, nói rằng nếu ông không ký thì không trả ông tiền, tuy nhiên ông không có căn cứ gì chứng minh bị ông bà K L<sub>1</sub> ép buộc. Sau khi ký giấy, ông đã làm đơn tố cáo vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub> sang cơ quan công an huyện C<sub>1</sub>, tỉnh L<sub>3</sub> và được cơ quan công an hướng dẫn làm thủ tục khởi kiện dân sự.

Nay ông xác định xe hàng của bà N không liên quan gì đến xe hàng của ông K nên ông không đồng ý việc ông K khấu trừ số tiền đã nợ ông sang xe hàng của bà N. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub> phải có trách nhiệm thanh toán cho ông H số tiền gốc còn nợ là 241.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước kể từ thời điểm tháng 4/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 8 năm 2024) là 27 tháng với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tính tròn là 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng) tiền lãi. Tổng cả gốc và lãi 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Khâu Súng K trình bày:

Vào cuối tháng 3 năm 2022, ông có thỏa thuận miệng với ông H nhận vận chuyển 01 xe công ten nơ hoa quả (quả mít) từ tỉnh T<sub>5</sub> đến cảng K<sub>1</sub>, tỉnh Q, T<sub>1</sub>. Do dịch Covid 19 nên hàng đến muộn, chậm thời gian thỏa thuận nên dẫn đến toàn bộ số hoa quả bị hư hỏng. Vì vậy, ông đồng ý bồi thường cho ông H số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng chẵn) là tổng giá trị xe hàng của ông H.

Ngày 9/4/2022, ông H có thỏa thuận miệng với bà N về việc chịu trách nhiệm làm thủ tục nộp thuế thông quan cô ta 01 xe hàng của bà N (trong đó có vốn góp của gia đình ông) xuất phát từ cửa khẩu Đ, L<sub>3</sub> đi đường sắt sang P<sub>1</sub>, T<sub>1</sub>. Do bên T<sub>1</sub> không cho thông quan nên hàng của chị N bị hỏng, phải quay về nội địa bán rẻ, thua lỗ 241.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu đồng). Ông không có căn cứ gì chứng minh xe hàng của bà N có vốn góp của gia đình ông và việc không thông quan được xe hàng của bà N là do lỗi của ông H. Tất cả mọi giao dịch đều là thỏa thuận miệng. Vì vậy, ông và bà N đã phạt ông H số tiền 241.000.000 đồng do không thực hiện đúng thỏa thuận, ông chỉ còn nợ lại ông H 359.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu đồng) và ông đã thanh toán đủ cho ông H số tiền trên. Việc phạt tiền và thanh toán được thể hiện tại Giấy thanh toán tiền hàng ngày 17/4/2022 mà ông đã giao nộp bản gốc cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông phải trả cho ông H số tiền còn nợ từ việc vận chuyển hàng hóa là 241.000.000 (Hai trăm bốn mươi một triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước kể từ thời điểm tháng 4 năm 2022 đến khi xét xử sơ thẩm thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nông Thị L<sub>1</sub> trình bày:

Bà là vợ của ông Khâu Súng K. Bà xác nhận toàn bộ chữ viết trong Giấy thanh toán ngày 17/4/2022 là của bà (trừ chữ viết ở dòng cuối “A H đã nhận = 359.000.000 đồng” và chữ ký là của ông H). Bà nhất trí với ý kiến của ông K, không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:

Bà nhất trí với trình bày của vợ chồng ông K bà L<sub>1</sub>. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn thay đổi một phần nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn là ông Khâu Súng K có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền còn nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST, ngày 19 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trí H, buộc bị đơn ông Khâu Súng K phải thanh toán cho ông H số tiền gốc còn nợ từ việc vận chuyển hàng hóa là 241.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng chẵn). Tổng cả gốc và lãi 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2024, bị đơn là ông Khâu Súng K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nông Thị L<sub>1</sub>, bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên nội dung kháng cáo đồng thời đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa.

Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là chưa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Thị L<sub>1</sub>, Phạm Thị N, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh B theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của ông QIU CHONG J (Khâu Súng K) và bà Nông Thị L<sub>1</sub>, Phạm Thị N làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án nhưng chưa yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn và việc ông QIU CHONG J (tên gọi khác Khâu Súng K) có được cư trú hợp pháp tại Việt Nam hay không. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nông Thị L<sub>1</sub> và ông QIU CHONG J đã cung cấp giấy xác nhận số 380/QLXNC-Đ2 ngày 27/11/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh B, xác nhận ông QIU CHONG J sinh ngày 05/3/1977 quốc tịch T<sub>1</sub>, hộ chiếu số EM 0662436, từ ngày 07/11/2024 đến nay đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Thôn T<sub>2</sub>, xã T<sub>3</sub>, huyện L, tỉnh B. Do đó Toà án cấp phúc thẩm cần xem xét nội dung kháng cáo của ông QIU CHONG J, bà L<sub>1</sub>, bà N theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 điều 26, khoản 3 Điều 35 khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh B đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Xét nội dung kháng cáo của người kháng cáo của ông QIU CHONG J và bà Nông Thị L<sub>1</sub> bà Phạm Thị N về việc xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Các bên đương sự đều thừa nhận: Vào khoảng cuối tháng 3/2022 giữa ông Phạm Trí H và ông QIU CHONG J (Khâu Súng K) cùng thỏa thuận miệng về việc ông K nhận vận chuyển cho ông H 01 xe công ten nơ quả mít tươi từ tỉnh T<sub>5</sub> – V<sub>2</sub>

**Commented [HN1]:** Chỗ này lẽ ra phải là bà Nông Thị Lợi nhưng em có thấy ghi nhầm thành Nông Thị Hợi nên em có sửa luôn rùi ạ

đến Cảng K<sub>1</sub>, tỉnh Q – T<sub>1</sub>. Do ông QIU CHONG J vận chuyển hàng đến chậm và muộn dẫn đến hàng hoá không thông quan theo như thoả thuận của các bên.

Sau đó hai bên đã thoả thuận bị đơn QIU CHONG J mua lại toàn bộ xe hàng với giá 600.000.000đ.

Quá trình thanh toán công nợ, đến ngày 17/4/2022 tại nhà của ông K có mặt nguyên đơn bị đơn, bà L<sub>1</sub> bà N các bên đã tiến hành lập giấy xác nhận ông QIU CHONG J mua lại xe hàng của ông H với giá 600.000.000đ. Trong đó bao gồm, tiền hàng là 316.800.000đ, tiền cước xe là 74.000.000đ, tiền vỏ tàu là 210.000.000đ đã trả được 359.000.000đ. Theo giấy xác nhận này thì ông H đã chốt nợ có trừ số tiền 241.000.000đ và nhận lại số tiền 359.000.000đ và xác nhận (đã thanh toán xong). Nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ nhưng không đưa ra được tài liệu chứng minh nguyên đơn bị ép buộc phải ký vào biên bản ngày 17/4/2022, vì sau khi ký giấy này nguyên đơn cho rằng bị ép buộc nên đã làm đơn khiếu nại đến Công an huyện C<sub>1</sub> tỉnh L<sub>3</sub>.

Tại quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 27/2024/QĐ-CCTLCC ngày 10/5/2024 và công văn về việc cung cấp tài liệu chứng cứ số 179/TA ngày 10/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh B liên quan đến vụ án dân sự thụ lý số 82/ 2023TB- TLVA ngày 07/12/2023 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản giữa nguyên đơn Phạm Trí H (sinh năm 1970), địa chỉ Thôn H<sub>1</sub> xã T huyện L, tỉnh B và bị đơn Khâu Súng K (sinh năm 1977) địa chỉ: Thôn T<sub>2</sub>, xã T<sub>3</sub>, huyện L, tỉnh B.

Tại công văn số 429/CQĐT ngày 03/6/2024 của Công an huyện C<sub>1</sub> có nội dung: Qua quá trình kiểm tra, rà soát, xác định: Năm 2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C<sub>1</sub> tỉnh L<sub>3</sub> tiếp nhận đơn của anh Phạm Trí H (sinh năm 1970), địa chỉ Thôn H<sub>1</sub>, xã T, huyện L, tỉnh B có nội dung liên quan đến vụ án nêu trên. Tuy nhiên, qua quá trình kiểm tra, xác minh ban đầu cho thấy vụ việc không có dấu hiệu tội phạm nên Cơ quan điều tra Công an huyện C<sub>1</sub>, tỉnh L<sub>3</sub> đã hướng dẫn anh Phạm Trí H viết đơn khởi kiện theo tố tụng dân sự kèm theo các tài liệu để tiếp tục được xem xét giải quyết. Nhưng ông H không tiếp tục khiếu nại đối với việc giải quyết của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C<sub>1</sub> tỉnh L<sub>3</sub>.

Bị đơn và người liên quan đều cho rằng các bên đã tiến hành tự nguyện thoả thuận chốt hợp đồng vận chuyển số hàng hoá trên. Ông Phạm Trí H cũng đã nhất trí trừ đi số tiền 241.000.000đ. Như vậy, việc ông H ký vào Văn bản ngày 17/4/2022 là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Ông H cho rằng bị ép buộc ký Văn bản ngày 17/4/2022 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Trong Văn bản ngày 17/4/2022 có nội dung xác nhận: 600.000.000đ - 241.000.000đ còn 359.000.000đ. Chuyển trả anh H 359.000.000đ (ba trăm năm chín triệu đồng chẵn) đã thanh toán xong. Về Hợp đồng vận chuyển hàng hóa, các

bên đương sự đều thỏa thuận bằng lời nói, nên giấy ghi ngày 17/4/2022 là chứng cứ thể hiện các bên đã tiến hành chốt, thanh toán tiền liên quan đến vận chuyển hàng hóa.

Do đó Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 241.000.000đ và tiền lãi là 54.000.000đ, tổng số tiền 295.000.000đ là không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, HĐXX phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 295.000.000đ x 5% = 14.750.000đ (Mười bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của người kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông QIU CHONG J (Khâu Súng K) và bà Nông Thị L<sub>1</sub>, bà Phạm Thị N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 19/8/2024 về việc tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hoá của Tòa án nhân dân tỉnh B, như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trí H buộc bị đơn ông QIU CHONG J (Khâu Súng K) phải thanh toán cho ông H số tiền gốc còn nợ từ việc vận chuyển hàng hóa là 241.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng chẵn). Tổng cả gốc và lãi 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Trí H phải chịu 14.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, đối trừ số tiền 7.500.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0000889 ngày 07/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B. Ông Phạm Trí H còn phải nộp tiếp số tiền là 7.250.000đ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông QIU CHONG J (Khâu Súng K) và bà Nông Thị L<sub>1</sub>, Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông QIU CHONG J (Khâu Súng K), bà Nông Thị L<sub>1</sub>, Phạm Thị N mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo các Biên lai số 0000022, 0000020, 0000021 cùng ngày 10/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THA dân sự tỉnh B;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Trọng Đoàn**